

Tuesday, October 19th 2021
Period UNIT 3: MY FRIENDS

LESSON 1: Getting started

*** Vocabulary:**

- | | |
|-------------------|---------------------|
| - Picnic (n): | dã ngoại |
| - Biscuit (n): | bánh quy |
| - pass (v) : | chuyển qua, đưa qua |
| - Glasses (n) : | mắt kính |
| - Magazine (n): | tạp chí |
| - surprise (adj): | bất ngờ, ngạc nhiên |



*** Checking words:**

DRAG AND DROP

picnic

glasses

pass

biscuit

Magazine

surprise

mắt kính bánh quy chuyển qua, đưa qua
dã ngoại tạp chí bất ngờ, ngạc nhiên

